

Cảm thức từ bi mang sắc thái Phật giáo trong văn xuôi sinh thái Việt Nam đương đại viết về động vật

Trần Thị Ánh Nguyệt

Trần Lê Hồng Phúc

Trường Đại học Duy Tân

Email liên hệ: trananhnguyet5@yahoo.com

Tóm tắt: Trong bối cảnh môi trường suy thoái như hiện nay, việc trở về với triết lí “kính úy sinh mệnh” của Phật giáo đã và đang là một xu hướng để tìm giải pháp tư tưởng cho việc bảo vệ vạn vật trong tự nhiên và duy trì sự cân bằng của hệ sinh thái. Từ tình thương trầm tư Phật giáo, văn xuôi sinh thái đương đại Việt Nam đã đưa ra thông điệp quan trọng để kiến lập nên chủ nghĩa nhân văn sinh thái. Thông qua thể nghiệm nhân sinh Phật giáo trên cơ sở tâm bi (chia sẻ cảm giác thương đau cùng muôn loài) và tâm từ (kiểu cốt truyện hướng thiện), bài viết liên hệ tới những thông điệp xanh và xác định đặc điểm của chủ nghĩa nhân văn sinh thái trong phạm vi tác phẩm văn xuôi đương đại viết về động vật. Bài viết cũng nhấn mạnh khả năng góp phần kết nối văn học với những vấn đề thiết cốt của nhân loại về trách nhiệm con người trong việc phát triển bền vững.

Từ khóa: Chủ nghĩa nhân văn sinh thái, Động vật, Phật giáo, Từ bi, Văn học sinh thái

The compassionate feeling of Buddhist nuance in contemporary Vietnamese prose writing about animals

Abstract: In the current context of environmental degradation, returning to Buddhism’s “life-loving” philosophy has become a trendy solution to protect all things in the universe and to maintain the balance of the ecosystem. From the loving-kindness of the Buddhism, contemporary ecological Vietnamese prose writings have loaded an important message to establish the ecological humanism. Through the experience of Buddhist human life on the basis of compassion (sharing feelings of pain and suffering with all living beings) and kindness (a kind of story directed towards goodness), this article focuses on green messages and the characteristics of ecological humanism within the context of contemporary prose writing about animals. The article also emphasizes on the ability to connect the literature with the essential issues of mankind regarding human responsibility in sustainable development.

Keywords: Ecological humanism, Ecological crisis, Buddhism, Compassion, Ecoliterature

Ngày nhận bài: 10/02/2020

Ngày duyệt đăng: 10/05/2020

1. Đặt vấn đề

Từ bi là một khái niệm của Phật giáo, gồm Tứ vô lượng tâm: từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, xả vô lượng mà chúng ta thường nói vắn tắt là từ bi hỷ xả. Xây dựng được bốn tâm lý từ, bi, hỷ, xả sẽ thuần dưỡng được nhân cách, lối sống tốt đẹp, chân thiện mỹ. Tâm từ bi được coi là tâm Phật. Từ bi là một trong những nền tảng cốt lõi của Phật giáo để xây dựng một tôn

giáo tràn đầy tình yêu thương, không thù hận và dung hòa được tất cả các mối quan hệ xung quanh. Tâm từ là trạng thái đầu tiên trong bốn trạng thái tâm thức vô lượng, là lòng nhân từ, tình yêu thương vô điều kiện, không đòi hỏi được đáp trả, là khả năng hiến tặng niềm vui cho tha nhân. Tâm bi là khả năng làm vơi đi nỗi khổ, là lòng thương xót cứu khổ, dứt trừ đau khổ cho hết thảy chúng sinh.

Căn bản của từ bi phải là không cướp đoạt, gây hại mạng sống của vật khác. Kinh *Phạm võng* ghi: “Hết thảy sanh mạng đều không được cố giết. Là Bồ-tát thì phải thường xuyên phát khởi và nuôi dưỡng tâm từ bi, tâm hiếu thuận; dùng mọi phương tiện để cứu hộ tất cả chúng sanh” (Nguyễn Hùng, 2016). Thiển sư Thích Nhất Hạnh cũng đã từng phát biểu: “Tôi sát quyết rằng: sẽ không bao giờ sát hại sự sống, sẽ không bao giờ để ai được quyền sát hại sự sống và tôi sẽ không bao giờ tán đồng bất kỳ một hành động sát hại nào trên thế giới này, ngay cả trong tư duy chúng tôi hay là trong cách mà tôi đang sống” (Thích Nhất Hạnh, 2013). Từ bi là một trong những tư tưởng của Phật giáo xây dựng nên nền tảng vị tha, bảo vệ động vật, xây dựng một mối quan hệ cân bằng giữa con người và muôn loài trong hệ sinh thái. Từ bi không có nghĩa chỉ là thương yêu, san sẻ, đồng cảm giữa người với người mà còn là giữa người với động vật, thực vật. Từ bi là suối nguồn khơi mở sự yêu thương, vị tha, tháo tung biên giới của trái tim xưa nay vốn chỉ đập những nhịp nhỏ bé để mở rộng biên độ đến loài khác.

Văn học và tôn giáo giống nhau ở điểm tác động vào tâm hồn khiến con người thay đổi tâm thức sinh sinh thái. Khởi dậy bản chất từ bi là chất liệu chuyển hóa thái độ và hành động của mỗi cá nhân, đi từ những quan niệm ích kỷ, tư lợi hẹp hòi của quan niệm “con người là trung tâm” (Anthropocentrism) đến cách sống bao dung, rộng mở với muôn loài “trái đất là trung tâm” (Earth-Centered). Trong đó, văn học sinh thái (*Ecoliterature*) nổi lên khi vấn đề biến đổi khí hậu, sự xuống cấp về môi trường ảnh hưởng đến toàn bộ sự sống trên trái đất. Dòng văn học này chú trọng đến trách nhiệm của con người đối với môi sinh, khẩn thiết kêu gọi bảo vệ vạn vật và duy trì cân bằng sinh thái. Văn học sinh thái Việt Nam có lẽ có bước phát triển nhất định là vào khoảng giữa những năm 1980 đến đầu những năm 1990, giai đoạn bắt đầu công cuộc Đổi mới, sự khởi động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đôi khi đã tàn phá tự nhiên, hi sinh tự nhiên vì mục tiêu phát triển kinh tế. Đến nay, tuy chưa thật sự có những thành tựu nổi bật, nhưng văn học đã có những động hướng mang ý thức sinh thái. Một trong những hướng đi ấy là văn xuôi đương đại chuyển tải tinh thần từ bi nhuộm màu Phật giáo nhằm sẻ chia động thái tích cực cho vấn đề bảo vệ sinh thái bằng phong cách sáng tác riêng thông qua những tác phẩm viết về động vật.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong Phật giáo xuất hiện rất nhiều những tác phẩm liên quan đến vấn đề bảo vệ muôn loài. *Jataka* (còn gọi là *kinh Bốn Sinh hoặç Chuyện tiền thân của Đức Phật*) là những câu chuyện thuật lại toàn bộ đời sống của Ngài qua các kiếp đời, mang tính giáo huấn, răn dạy với nhiều ý nghĩa khác nhau: khi Đức Phật là một con bò, bà cụ đem lòng từ bi săn sóc như con ruột (*Tiền thân Kanha* (JAT.193); triệu phú thành Ba la nại vì khởi lòng từ, đốt lửa sưởi ấm, cung cấp thức ăn, cử người bảo vệ bầy diều hâu (*Tiền thân Gijha* (JAT.2,50)... Ngoài ra, một số tập sách *Truyện cổ sự tích cứu vật phóng sanh* (Tịnh Không biên soạn, 2000); *Khuyến người từ bỏ sự giết hại* (Vạn Thiện Tiên Tư, 2015)... tổng hợp rất nhiều câu chuyện về tình thương, niềm đồng cảm sâu sắc, sự san sẻ yêu thương, cứu giúp muôn loài khi gặp nạn; giúp vật, không những được trả ơn mà còn là tự mình thoát khỏi tai ách như *Tử Sản nuôi cá*, *Tiết chế ăn uống được tăng tuổi*

thợ, *Bầy lươn xin cứu mạng*... Kiểu cốt truyện cứu vật vật trả ơn xuất hiện với mật độ khá dày đặc trong truyện Phật giáo cho thấy tư tưởng “bất tổn sinh”, khuyên mọi người không nên giết hại loài vật. Giết hại hay làm tổn thương chúng sanh được xem là bất thiện và về bản chất là thiếu đạo đức; vì, một mặt, giết hại hay làm tổn thương chúng là hành động tàn bạo mà nó đưa đến những kết quả xấu cho kẻ gây ra. Phật giáo quan niệm mọi vật cũng như con người: “Hết thấy loài vật đều ham sống sợ chết, tìm chỗ an ổn, tránh chỗ nguy hại, so với tâm lí con người không khác” (Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải, 2015). Ngay cả việc an cư của chư tăng vào mùa mưa, ngoài ý nghĩa dành một thời gian nhất định để tu tập, phát triển đời sống tâm linh, còn gồm cả mục đích không gây hại cho loài sinh vật khác trong thời kì nẩy mầm, sinh sôi phát triển: “Chúng sanh quanh ta rất nhiều, từ loài côn trùng nhỏ nhít cho đến các loài thảo mộc yếu mềm, ta đừng đứng lên chúng vì đứng trên chúng, chúng sẽ đau khổ, và chết chóc, héo úa” (Ghi chép lời trưởng lão Thích Thông Lạc, 2016). Giới cấm sát sinh là giới đầu tiên trong Phật giáo. Trong thế gian thân mạng là quý trọng nhất nên không được giết hại sinh mạng, hưởng chi động vật với ta cùng một thể, có thể là ta trong kiếp trước hoặc kiếp sau trong vòng luân hồi bất tận: “Hết thấy muôn loài mang máu huyết thần khí đều có tri giác cảm nhận, hết thấy những sinh vật động đậy bay nhảy đều chung một thể tánh với ta” (Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải, 2015).

Jacques Vernier trong công trình *Sinh thái học nhân văn thống kê xác định*: “Vào thế kỉ XVI, người ta ước tính rằng cứ 100 năm chúng ta mất đi một loại động vật; năm 1900, mỗi năm ta mất đi một loài, và đến ngày nay người ta cho rằng ít ra mỗi ngày chúng ta mất một loài” (Jacques Vernier, 2002). Tuy nhiên, những con số đáng báo động ấy vẫn không tỉnh thức được nhân loại. Ngày nay, rõ ràng các loài thú đã dần vắng bóng trong rừng, mùa xuân vắng lặng dần tiếng chim, con sâu róm đã chẳng bò trước cửa sổ phía trước khu vườn rậm rạp và thậm chí, khi con ong cuối cùng chết, loài người cũng trở nên tuyệt diệt. Yuval Noah Harari gọi “70.000 năm trở lại đây là thế Nhân Tân (Anthropocene): thế của loài người. Vì suốt những thiên niên kỉ này, Homo Sapiens đã trở thành tác nhân lớn nhất làm thay đổi hệ sinh thái toàn cầu” (Yuval Noah Harari, 2018). Sự kiêu ngạo của chủ nghĩa cá nhân đã xuất hiện những rạn nứt bên trong khiến con người trở nên cô đơn: “Trong cuộc Cách mạng nông nghiệp, loài người đã bắt cây cỏ và động vật phải im lặng, biến vờ kịch lớn vật linh thành một cuộc đối thoại giữa người và Chúa. Trong cuộc Cách mạng khoa học, loài người đã buộc cả Chúa cũng phải im lặng” (Yuval Noah Harari, 2018). Sự tác động và đảo lộn toàn bộ hệ sinh thái trên trái đất đã khiến con người đang đi đến Đợt *tuyệt chủng thứ 6* – là đợt tuyệt chủng do chính loài người gây ra (Elizabeth Kolbert, 2014). Con người đã tạo ra nhiều thành tựu khoa học nhưng đôi khi những thành tựu đó đã hủy diệt muôn loài như trường hợp thuốc trừ sâu DDT (Rachel Louise Carson, 2018). Vì thế, những nghiên cứu như *Vi sao phải nhìn những con vật* của Berger (Berger, J., 2017) và *Khi con vật nhìn ta* của Fontenay, E. (Fontenay, E., 2013)... ra đời nhằm mục đích kêu gọi sự nỗ lực nhìn lại mối tương quan, hòa thuận giữa con người với động vật.

Trong bối cảnh con người đang đẩy vô vàn loài động vật đến bờ vực của sự tuyệt chủng, phê bình sinh thái (ecocriticism) đưa ra những cảnh báo về sự khủng hoảng môi trường sinh thái. Trong đó, phải kể đến là cuốn sách *Con người và tự nhiên trong văn học Việt nam sau năm 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái* (Trần Thị Ánh Nguyệt, Lê Lưu Oanh, 2016), *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương – Phê bình sinh thái* (Nguyễn Thị Tịnh Thy, 2017) đã trình bày một cái nhìn bao quát về dòng văn học sinh thái, cụ thể là về văn học Việt Nam sau 1975 từ cái nhìn phê bình sinh thái, một khuynh hướng mới trong phê bình văn học thế giới. Năm 2017,

cuốn sách *Phê bình sinh thái là gì?* do Hoàng Tố Mai chủ biên đã tập hợp những bản dịch và tổng thuật của các nhà nghiên cứu như Phạm Phương Chi, Đặng Thị Thái Hà, Lê Quốc Hiếu, Trần Ngọc Hiếu, Hoàng Tố Mai, Nguyễn Trường Sinh... để đem đến cho độc giả một cái nhìn rõ ràng hơn về phê bình sinh thái.

Như vậy, từ các nhà nghiên cứu tôn giáo đến các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu văn học, các nhà văn Việt Nam đều có những quan tâm về động vật. Nghiên cứu về văn học đương đại Việt Nam mang cảm thức từ bi góp phần nhắc nhở rằng đạo đức môi trường cần mở rộng từ quyền con người sang quyền của thiên nhiên.

3. Tâm bi - Chia sẻ cảm giác bị đau với muôn loài

Đặc tính của “tâm bi” là ý muốn giúp người khác thoát khỏi cảnh khổ, là động lực làm cho tâm rung động trước sự đau khổ của kẻ khác. Lòng của người có tâm bi thật là hiền hòa, nhu nhuyễn và êm ái. Thậm chí người có tâm bi không ngần ngại hy sinh đến cả tính mạng, giúp mà không bao giờ mong đền ơn, đáp nghĩa. Trong những truyện văn xuôi sinh thái Việt Nam đương đại, kiểu nhân vật đi săn, nhân vật làm nghề đồ tể xuất hiện nhiều nhưng cảm hứng không phải là chinh phục tự nhiên, mà tâm bi nghiêng về cảm giác chia sẻ nỗi đau thể chất với những con vật. Các nhân vật khi chứng kiến con vật bị bị giết thịt, bị đánh, bị bắt, bị chôn... đều cảm nhận nỗi đau về thể xác. Châu nhận thấy sự tinh khôn của con heo “ai nói ngu như lợn là sai, có vào nghề này mới biết nó cũng khôn và biết trước cái chết của mình”; nỗi đau đớn của con trâu: “Đau lắm. Chắc là đau đốn lắm nên tiếng kêu bi thương ngoài sức tưởng tượng” (Đồ tể, Nguyễn Trí, 2013) nên anh cảm thấy ghê rợn, ám ảnh khi phải làm nghề đồ tể. Nương và Điền chứng kiến cảnh những con vịt của mình bị chôn sống, cảm thấy đau đốn đến nghẹt thở “tôi nghe vịt - của - tôi vẫn còn thoi thóp, chúng đau đốn vì những cái cổ gãy, rồi quặt queo... cảm nhận được cái thở hướm ngắn dần, ngắn dần của con vật sau cùng” (Cánh đồng bất tận, Nguyễn Ngọc Tư, 2010). Con người cảm nhận nỗi đau của con vật như nhận ra nỗi đau của đồng loại: “Họ phờn phơ nói bằng thứ ngôn ngữ buồn cười (bọn chăn vịt chúng tôi chẳng khi nào dùng những chữ “chỉ thị”, “loại trừ tận gốc” hay “giải quyết dứt điểm”...). Thật đơn giản, khi nói “các người phải tiêu hủy bầy vịt”. Cha tôi cúi kính gập đầu. Tôi và Điền kêu lên một tiếng buốt, ôi, những bạn - bè của chúng tôi sắp bị chôn sống nữa rồi”... Ông Khúng cảm thấy đau đốn, ám ảnh trước những phản thối bò bầy bán ở chợ, không nỡ bán con bò Khoang cho người ta giết thịt mà tha bổng cho nó về rừng (Phiên chợ Giát, Nguyễn Minh Châu, 2001)... Ông Diểu đi săn nhưng chủ yếu cảm nhận “sự tĩnh lặng bình thản của rừng xuyên suốt qua ông” (Muối của rừng, Nguyễn Huy Thiệp, 1995), nên mỗi lần gây tai họa cho khỉ, ông đều ân hận, thảng thốt. Khi dương súng bắn, “sự hỗn loạn của đàn khỉ khiến ông Diểu sợ hãi run lên... Ông đã lộ mặt là tên ám sát”; khi dồn khỉ con đến miệng vực khiến nó lăn xuống, “ông Diểu tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm. Từ vực sâu hun hút vang lên tiếng rú thê thảm của con khỉ nhỏ. Ông Diểu lùi lại kinh hoàng”... Phải chăng, đó là bước đầu của sự thức tỉnh nhân tính, sự bừng ngộ tình yêu đối với muôn loài, bằng chứng là ông đã rên khe khẽ, nói “chạy đi” khi con khỉ cái lại gần con khỉ đực lúc này đang bị thương. Và từ cảm giác thức ngộ “Ông vừa làm điều ác”, trong lòng dâng lên một nỗi cảm phục và thương hại sâu sắc với con khỉ cái, ông quyết định leo xuống núi để cứu con khỉ đực. Đó là hành trình nhận thức trước cảm giác đau đốn của con khỉ. Khi ông bằng bó vết thương, tiếng rên của con vật đánh thức lòng trắc ẩn trong ông, ông thấu cảm nỗi đau thể chất với nó. Khi vác con khỉ đực bị thương xuống núi, ông chăm sóc cho nó “thấy thương hại”, “tránh nhìn vào mắt nó” vì “dễ mũi lòng”.

Muối của rừng đã khơi dậy trong lòng bạn đọc ý nghĩa nhân văn thâm sâu và lòng trắc ẩn từ con người. Học cách yêu quý muôn loài là cách chúng ta nuôi dưỡng nhân tính. Hầu hết, trong các cốt truyện đi sâu trong văn xuôi sinh thái đương đại, các tác giả đều tập trung khắc họa cảnh những loài vật đang sống yên tâm, vui vậy thì gặp tai họa do người thợ săn gây ra: con khỉ mẹ đang phơi nắng bắt chấy cho con (Lão Sìn và con khỉ, Phạm Xuân Hiếu, 2009), đàn chim sẻ đang mổ những hạt thóc của bà cụ Cẩn nhân hậu thì tai vạ chợt đến (Bà cụ Cẩn và đàn chim sẻ, Ma Văn Kháng, 2013). Tình cảnh này cũng được Anh Bằng mô tả trong bài hát Người thợ săn và đàn chim nhỏ: “Chim yên tâm sống yên bình/ Yêu thương nhau trên đầu cành/ Đạn vụt bay đến nhanh/ Chim chết chim lia cành” với một nỗi ưu tư, sầu muộn. Do vậy, đi sâu không còn là niềm vui chinh phục mà nặng trĩu âu lo về nhân tính.

Hiến pháp hiện đại (Modern Constitution) tách biệt con người và thế giới tự nhiên là điều kiện để “việc tiêu thụ thịt động vật gần như bị ngắt liên hệ hoàn toàn với sự chịu đựng nỗi đau đớn và cái chết của những con vật. Các nhà sinh thái quan niệm loài vật có sinh mệnh nên loài vật có tình cảm rất sâu nặng: tình mẫu tử, tình đôi lứa, tình cảm bầy đàn. Tình mẫu tử của con khỉ cứu đứa con khi bị thương khiến chúng ta cảm động: “Trên cành cây cao không lá, mẹ con đang ngồi phơi nắng. Nó rúc vú mẹ. Một mũi tên găm “phập” sau lưng, khỉ mẹ rùng mình loạng choạng giữ con bám chặt cành. Máu chảy nhuộm màu lông vàng tía, nhỏ giọt xuống lá rừng tí tách. Khỉ mẹ dồn hơi sức cuối cùng tìm cho con một chỗ nương thân, nước nhỏ theo giọt máu. Nén đau cố ôm chặt con trong lòng, tay chuyển cành xuống thấp tìm hết gốc cây này đến gốc cây khác đặt con, hi vọng bầy đàn tìm đến mang đi” (Lão Sìn và con khỉ, Phạm Xuân Hiếu, 2009)... Loài vật có trí khôn, sự thông thái và hiểu biết. Ông Diểu nhận xét loài khỉ: “Loài thú này khôn tựa như người, khi kiếm ăn bao giờ cũng có canh gác (...) con canh gác rất thính. Không thấy nó thì đừng hòng cuốc săn thắng lợi, đừng có hòng bắn được con át chủ bài” (Muối của rừng, Nguyễn Huy Thiệp, 1995). Mạ cũng bị một con khỉ mồi đánh lạc hướng để đàn của nó trốn thoát. Anh đuổi nhưng cứ bị nó lừa, giả bị trúng đạn, khi anh đến gần nó lại vụt tót lên cành cây cao: “Cứ thế, nó cứ như người nhử mồi, anh đuổi theo bắt bóng. Con khỉ đã thành tinh của rừng xanh thật rồi, nó nhanh nhẹn, tàng hình như ma” (Chuyến đi săn cuối cùng, Sương Nguyệt Minh, 2011).

Từ ngàn xưa, trong dân gian đã tồn tại câu “Cứu vật vật trả ơn”. Trong các truyện cổ Phật giáo, những câu chuyện trả ơn của loài vật rất nhiều như Bầy chim chôn cất ân nhân; Cứu ong thoát khỏi án tử hình; Con ba ba chữa lành bệnh hiểm; Cứu đàn kiến tăng tuổi thọ; Ba ba chữa bệnh cho nữ tỳ; Loài nhái báo ân; Cứu gà thành ra cứu mình... (Tĩnh Không biên soạn, 2000). Những kiểu cốt truyện về việc loài vật có tình cảm sâu nặng tiếp tục được các nhà văn sinh thái tái thiết trở lại. Chó Bi, đời lưu lạc của Ma Văn Kháng hiện lên là một chú chó trung thành, một trang hảo hán. Chó Bi xả thân cứu chủ, thậm chí không màng đến sự nguy hiểm, tính mạng bị đe dọa... Bi tỏ ra là một chú chó khôn ngoan, đánh hơi được tất cả những sự nguy hiểm bằng khứu giác đặc biệt tinh nhạy của loài “phân biệt được hơi người ngay, kẻ gian, tiếng động bình thường và tiếng động khả nghi”, có đức tính “tận tụy, ngay thẳng, tình nghĩa”. Bi biết phản ứng chống lại cái xấu, chống lại những thói gàn dở, thấp kém, đê tiện của mẹ Lên và lão Viện. Trong khoảnh khắc thập tử nhất sinh “nó dùng hết sức bật mạnh bốn vó, phi thân bay lên, nhanh hơn cả đà lao của chiếc xe, đập một phát trúng cổ tay tên ngồi sau xe cầm dây thòng lọng” và thoát chết; nó chống lại tên đạo chích mặc dù bị đâm đến hai nhát vào lưng, vào hông, để giữ gìn tài sản cho gia chủ. Những vật nuôi, dù xuất hiện với bối cảnh khác nhau, nhưng đều có một điểm chung: trung thành, hết lòng vì chủ, thậm chí xả thân để

bảo vệ người chủ của mình. Niềm vui, sự an ủi từ những loài vật nhỏ bé này, đôi khi lại to lớn hơn cả tình cảm nhạt nhòa giữa người với người trong một mái nhà. Đó là niềm hạnh phúc nhỏ bé, mộc mạc như cuộc nói chuyện với con vịt tên Cộc (Cánh đồng bất tận, Nguyễn Ngọc Tư, 2010), là những lần sát cánh cùng bảo vệ vườn thuốc của con Phúm (Ông lão gác vườn và con chó Phúm, Ma Văn Kháng, 2017); là người bạn tâm giao, hết lòng trung thành, biết vui đùa bên nhau (Con thú bị ruồng bỏ, Nguyễn Dậu, 1990)...

Kiểu nhân vật đi săn, nhân vật làm nghề đồ tể trong văn xuôi sinh thái không còn hiện diện với cảm hứng chinh phục tự nhiên, mà nghiêng về cảm giác cảm thông với vạn vật. Người vợ trong Giải vía (Hà Thị Cẩm Anh, 2013) cứu con hổ khỏi làn cung tên của người chồng, chấp nhận từ bỏ hạnh phúc riêng tư, chịu đựng sự kì thị của đồng loại để cứu vớt các con vật trú ngụ trong rừng. Tuệ anormal phụ cha làm nghề bắt chó giết thịt nhưng khi chứng kiến cô gái bé nhỏ, gầy nhom lấy hết sức lực của mình ra cứu con chó thì động lòng trắc ẩn thả con chó ra và từ bỏ nghề, đồng thời suốt đời giữ một tình yêu thầm lặng, cảm nín, tôn thờ cô gái bé nhỏ nhưng quyết liệt và đa cảm ấy. Tình yêu đó khiến cho anh trở thành “một người yêu vô lượng, một gã đồ tể buông cây dao trong tâm” (Hoa tre nở, Quế Hương, 2007). Trong khoảnh khắc mong manh khi con cọp trong gách xiếc nhận ra mùi lạ và tấn công, cô đã yêu cầu “đừng bắn” (Mùi cọp, Quý Thế, 2009). Đó là một sự hy sinh, một sự dũng cảm, một sự chấp nhận của người nghệ sĩ, đến khi chết vẫn dành tình thương cho loài vật mà bấy lâu nay cô huấn luyện. Văn xuôi sinh thái đã tìm ra những mẫu hình nhân cách mới như lão Khủng (Phiên chợ Giát, Nguyễn Minh Châu, 2001), Đoan (Con chó và vụn li hôn, Dạ Ngân, 1995), ông lão (Cái nhìn khắc khoải, Nguyễn Ngọc Tư, 2010), ông Diểu (Muối của rừng, Nguyễn Huy Thiệp, 1995), Nương và Điền (Cánh đồng bất tận, Nguyễn Ngọc Tư, 2010), ông Su Da (Người nói chuyện với chim bồ câu, Mạc Can, 2010)... Đạo đức sinh thái mang sắc thái Phật giáo trong văn xuôi sinh thái đương đại hình thành từ những thân phận bé nhỏ, bên lề. Đó là những con người biết nâng đỡ thế giới tự nhiên bị thương tổn, đồng cảm với số phận tự nhiên bị chà đạp; biết lắng nghe những tiếng nói lạ thường của thiên nhiên; biết sống hài hòa với thế giới xung quanh và gắn kết với đất đai, muông thú, cỏ cây bằng một tình yêu sâu nặng.

4. Tâm từ - cốt truyện hướng thiện

Tâm từ không phải là tình thương vị kỷ với bất cứ đối tượng riêng biệt nào mà chính là sự đồng đẳng, công bình đối với vạn loài. Khi người thực hành tâm từ tới một mức độ nhất định sẽ thấy mình và muôn vật giá trị ngang nhau. Từ ý thức coi địa vị của mình và vật ngang bằng nhau sẽ không khởi sinh tâm lý mình được quyền định đoạt mạng sống của muôn loài. Thật ra, nhiều người lầm tưởng mình có địa vị cao hơn các loài vật. Không phải vậy, quan hệ người – vật chỉ là do đặc trưng giống loài khác nhau mà thôi. Khi tâm từ xuất hiện thì tâm lý sân hận, oán thù không có điều kiện trở dậy. Cảm thức này thể hiện thông qua những nhân vật hướng thiện, coi động vật là bạn bè thân ái, đồng cảm và chia sẻ.

Văn xuôi sinh thái xuất hiện kiểu nhân vật trong tâm hồn luôn hướng đến Chân thiện mỹ. Đó là những con người thuần lương, hướng thiện yêu thương loài vật bằng một trái tim vô lượng. Chủ đề làm bạn với loài vật xuất hiện khá nhiều. Kết bạn với loài vật là niềm vui của những người có trái tim lương thiện. Có lẽ vì cảm nhận được những điều đó nên loài vật cũng đến với họ bằng trái tim tương thích. Có người cho rằng loài vật không biết cảm nhận, không biết phân biệt người tốt, kẻ xấu? Thực ra, trái tim loài vật chỉ chung nhịp đập với những người có cùng nhịp đập với chúng. Chị Tú là một người có tâm hồn thuần lương như vậy. Từ khi còn

bé đã bộc lộ là một cô bé thương chó như bạn, dứt khoát khi ba muốn bán con Vá: “Chạy đi, Vá” (Tre nở hoa, Quế Hương, 2007). Trong tâm thức Tú, “chó là con vật có tình nghĩa” và ai giết chó là ác. Tư tưởng đó theo chị đến suốt cuộc đời, làm thay đổi nhận thức của Tuệ anormal, khiến từ một gia đình sống bằng nghề bắt chó làm kế sinh nhai trở thành người trả tự do cho chó. Sự ngây thơ, thánh thiện của Tú là phần cứu rỗi cho phần đời còn lại của Tuệ, chính tình yêu đã giúp Tuệ bừng tỉnh, không phải đi vào ngõ cụt và nhận lấy cái chết hóa chó bi thảm như cha mình. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư cũng đã nhiều lần nhắc nhở trong các trang viết khắc khoải của chị về việc yêu thương động vật, con người sẽ thấy nhẹ nhàng, thư thái. Loài vật xuất hiện qua vài chi tiết nhỏ nhưng cũng đủ làm trăn trở người đọc. Đa phần loài vật là những hình ảnh quen thuộc nơi làng quê êm ả, gợi nhắc cội nguồn, đánh động vào tâm thức nhớ quê hương của mọi người. Đó có thể là “lắng nghe tiếng chim bìm bịp buồn buồn trong ánh nắng chiều” (Biển người mệnh mông), đó cũng có thể là làm bạn với lũ vịt (Cánh đồng bất tận), hay nói theo tiếng chim (Gió lẻ)... Cháu Quỳnh trong truyện ngắn Con thú bị ruồng bỏ (Nguyễn Dậu) cũng là một đứa bé ngây thơ và có tấm lòng thuần lương đối với động vật “triu mển con Múc như một bạn nhỏ thân thiết” từ thiếu thời. Cho đến khi vì định kiến và hiểu lầm chống chất, ông Quyền đánh đuổi và lập mưu giết Múc. Đoán được tai ách sắp đổ xuống đầu mình, bằng sự thông minh và khôn ngoan, “nó dồn hết sức lực vào bốn cẳng, luồn lỏi qua dây chuồng gà, chuồng lợn, rồi vượt qua cửa rào, nó lao thẳng về phía rừng”. Nó rời ngôi nhà ấy, nhưng một dạo nọ, nó trở về thăm Quỳnh. Tình bạn khăng khít với người bạn thiếu thời thôi thúc nó mạo hiểm trở về. Quỳnh nhận ngay ra Múc, âu yếm triu mển, để mặc con Múc “đôi bạn thân thiết ấy, làm mọi cử chỉ có thể làm để tỏ tình thương nhau. Con Múc hôi tanh nồng nặc, nhưng Quỳnh cứ để mặc nó liếm lên má, lên tóc”. Phải là người có trái tim nhân hậu, thuần thiện, yêu thương động vật hết mực, mới xóa bỏ mọi rào cản như thế.

Trong xã hội hiện đại, đôi khi đời sống trở nên chán ngán, tuyệt vọng, đau khổ, con người không lắng nghe, khiến cho họ mất dần yêu thương, hiểu biết và lòng từ tâm. Có thể gọi đây là “bi kịch bị mất lời” của con người thời hiện tại. Khi đối diện trước cái không trọn vẹn của cuộc sống, con người dường như không thể tìm được tiếng nói chung của đồng loại, không tháo gỡ được những bất ổn về tâm lý và họ chọn cách làm bạn với loài vật để tìm lại sự bình an, bao dung, để khiến được cảm thấy được yêu thương giữa cuộc đời này. Nương và Điềm từ chối giao tiếp với con người, nói tiếng vịt để quên đi “nỗi buồn của cõi người” (Cánh đồng bất tận, Nguyễn Ngọc Tư, 2010), Em nói theo kiểu của chim vì “tiếng nói của loài vật không làm đau nhau” (Gió lẻ, Nguyễn Ngọc Tư, 2009)... Trước cái bất toàn của đời sống, con người phải chịu đựng những bất ổn về mặt tâm lý, không thể giao tiếp với đồng loại – đó là căn nguyên của việc tìm sự đồng cảm trong tự nhiên. Đoan (Con chó và vụ li hôn, Dạ Ngân) nhẫn nhịn, chịu đựng mọi bất công, thói gia trưởng, tính ích kỷ của người chồng và cả khi đứng trước tòa án dưới con mắt dò xét của vị thẩm phán và thái độ nanh nọc của người chồng cũng không thể cất lời. Sự thức tỉnh nhân tính và sửa chữa khiếm khuyết của việc thiếu hụt nhân tính bằng việc yêu thương loài vật để cảm thấy được an ủi được phản ánh qua nhân vật Đoan. Đoan cũng là một người phụ nữ có tâm hồn hướng thiện, yêu thương loài vật. Nhưng chính tình yêu không toan tính đó lại làm cho Nhiêu cảm thấy thừa thãi trong chính căn nhà của mình, và lúc đó bản tính độc đoán, tàn nhẫn của anh ta có dịp trỗi dậy, một chuỗi các hành động độc ác của Nhiêu (đạp con Mực và con Vàng, thả chó con xuống sông, giết con Mực khi nó mang chữa...), sự tục tằn trong tư tưởng khi gán gủi vợ khiến Đoan cảm thấy ghê tởm, nhàm chán và không muốn gán chồng. Lâu dần, chính những thứ cảm xúc mơ hồ phát sinh từ cuộc sống hằng ngày, cái mảng tối khi Nhiêu đối xử với con Mực khiến Đoan quyết định ly

hôn. Cả hai ly hôn chỉ vì một con chó, mới nghe qua có lẽ hơi vô lý, tuy nhiên đối với tâm hồn của một người thương yêu con vật, đó là diễn tiến tâm lý hợp logic. Khi người ta đã coi con vật là bạn thì tất cả những hành động ngược đãi loài vật trở thành mũi dao giết chết tình cảm vốn đã mong manh giữa hai bên. Chuyển đi cuối năm (Sương Nguyệt Minh) cũng là một thức nhận của con người khi đối diện với tình yêu của loài vật. Tình cảm và hành động của con khỉ cái bảo vệ cho khỉ đực và khỉ con đã khiến nhân vật thức tỉnh về suy nghĩ giống cái bội bạc mà lâu nay cha anh đã gieo rắc vào đầu. Chính tình cảm gia đình khỉ đã làm anh nhận ra bài học sơ giản về tình yêu thương, “anh cảm thấy mọi sự bon chen, toan tính, bạc tình, mưu lợi đều vô nghĩa hết. Bỗng dưng anh học được một bài học vô giá ở núi rừng Tam Điệp”. Thật vậy, động vật cũng như con người, cũng biết yêu thương đồng loại, cũng biết vợ chồng keo sơn, cũng có gia đình, con cái... Trong cuộc rượt đuổi, truy lùng, săn bắt, con người bắt gặp lại chính hình ảnh về đời sống sinh hoạt cộng đồng của mình. Chỉ những ai có niềm đồng cảm mới thấu rõ được đời sống với logic ngàn đời của vạn vật như thế.

Nhiều nhà văn quan niệm chính ngôn ngữ loài người với những đặc quyền văn hóa, với những bất công được mặc định trong hệ thống ngôn ngữ loài người đã đẩy con người vào bị kịch. Con người đem lí trí vào mọi loại tình cảm, lấy cái giả dối làm khuất lấp sự trong sáng của ngôn ngữ. “Em” (Gió lè) phát hiện ra rằng “không biết trên thế gian này có con chim nào tìm tới cái chết vì tiếng nói của con chim khác? Có con chó nào bỗng dưng đâm đầu vào đá vì tiếng sủa của con chó khác? Có con bò nào nhảy xuống sông tự tử vì tiếng kêu của con bò khác?”. Điền và Nương (Cánh đồng bất tận) chán chường, cô đơn, mất niềm tin vào thế giới người, tìm đến tự nhiên thanh sạch, an lành, bao dung: “Chị em tôi học cách yêu thương đàn vịt (hi vọng là sẽ không bị đau như yêu thương một con người nào đó)... chơi với người thấy buồn nên chuyển qua chơi cùng vịt”. Đặt con người trong thế đối lập với loài vật, tác phẩm Nguyễn Ngọc Tư chạm vào nỗi đau sâu thẳm của nhân loại thời hiện đại: rời bỏ tự nhiên nghĩa là con người đã rời bỏ bản tính thiên nhiên tốt đẹp của mình. Lắng nghe tiếng nói của loài vật, ta nhận ra rằng thế giới tự nhiên cũng có tâm hồn, tính cách và tràn đầy yêu thương, trái ngược lại với thế giới loài người đầy bất trắc, xảo trá, lọc lừa: “Thế giới của loài vịt mở ra - không ghen tuông, hờn giận, chắc tại cái đầu vịt nhỏ quá nên chỉ đủ cho yêu thương”. Ông lão trong truyện Người nói tiếng bồ câu (Mạc Can) cũng cảm nhận: “Lạ kì là bồ câu ít khi mâu thuẫn, nói tiếng gì đúng nghĩa đó, nghĩ sao nói đúng như vậy chứ không phải như con người”. Sự chân thật của muôn loài thể hiện ngay trong ngôn ngữ. So sánh với loài vật, các tác giả cho thấy nỗi hoài nghi về sự chân thật trong ngôn ngữ của loài người, có thể che đậy trong đó rất nhiều hư ngụy. Quan điểm này cũng được nhiều nghệ sĩ ưu tư với đời sống chia sẻ. Bài hát Bác làm vườn và con chim sâu (Đức Hùng) dù lấy cảm hứng từ bộ phim hoạt hình dành cho trẻ nhỏ: con người có thể nói chuyện với chim chóc và muông thú, đã đặt ra những suy nghĩ hết sức nghiêm túc về hiện sinh, những câu hỏi về thời gian và sự hữu hạn, về tình yêu và cái chân thật, về niềm hạnh phúc và tự do... mà so với cái bao la của bầu trời và cái an nhiên của con chim sâu, con người không thể có được. Soi vào thế giới loài vật, lắng nghe tiếng nói và tâm hồn của chúng, con người trong văn học sau năm 1975 đã từ bỏ tư thế kiêu hãnh “kiểu mẫu của muôn loài” để nhận ra sự bất toàn của mình. Tạo hóa sinh ra con người và muôn loài là tốt đẹp và hoàn hảo, chỉ vì con người với những lí trí, dục vọng... đã làm khuất lấp đi vẻ đẹp tự nhiên ấy. Vì đánh mất bản tính tự nhiên tốt đẹp, con người trở nên bất toàn.

Christopher Manes chỉ trích “Địa vị chủ thể phát ngôn được khư khư ôm giữ như là đặc quyền chỉ dành riêng cho con người” (Manes C, 1996). Cái nhìn này theo ông, đã giới hạn ngôn ngữ trong phạm vi loài người. Thực ra, không phải như vậy, loài vật có ngôn ngữ riêng

của nó. Con người không nghe thấy tiếng nói đó chứ không phải không tồn tại. Các nhà phê bình sinh thái khẳng định rằng “quan điểm coi tự nhiên là câm lặng, không có tiếng nói cũng chủ yếu cho thấy về sự khước từ lắng nghe của chính chúng ta chứ không phải là về năng lực giao tiếp của tự nhiên”, “không đồng nghĩa với việc cho rằng thế giới tự nhiên chỉ là một cái gì hoàn toàn câm lặng” (Rigby K, 2014). Soi chiếu với muông thú, các nhà văn đã “đảo lộn” những quan điểm mặc định về những điều vẫn được xem là độc nhất. Một số nhân vật trong văn xuôi sinh thái có thể nghe thấy tiếng nói của loài vật. Tiếng con đé hát trong đêm một cách vô tư lự: “Con đé mèn ở ngoài vườn kia ri ri ca hát, nó sung sướng với sự sống bé nhỏ mà Thượng đế ban cho nó. Chẳng hề ghen tị với ai” (Thổ cẩm, Nguyễn Huy Thiệp, 1995) nhắc nhở về cái tự tại của tự nhiên mà con người không nghe thấy, chẳng qua là vì không có khả năng lắng nghe mà thôi. Như vậy, qua văn xuôi sau 1975, độc giả đã bắt gặp motif “người hiểu tiếng loài vật”. Ông Su Da từ bé đã trèo lên cây trứng cá chơi, nghe và nói chuyện với chim bồ câu: “Thật tình tiếng bồ câu không khó nói lắm, dễ hơn tiếng Anh nhiều... một tiếng “gù” âm giống nhau nhưng khi nghĩa này lúc lại nghĩa khác, rất ít tiếng nhưng đa nghĩa” (Người nói tiếng bồ câu, Mạc Can, 2010).

Những vị kỉ, độc đoán, sân hận khiến khả năng giao tiếp của con người bị mất, trở nên xa cách, cô độc, đánh mất tình yêu, chỉ còn lại giận dữ và thù hận. Lắng nghe bằng tâm từ sẽ giúp con người nhận ra tiếng nói của tự nhiên, làm bạn với loài vật sẽ giúp con người nhận ra lòng yêu không vị kỉ, trở nên rộng mở và khoan hòa. Lão Sìn sống cô độc, không giao tiếp, không ngôn ngữ. Nhưng từ khi nói chuyện với khỉ con, con vật đã đánh thức trở lại ngôn ngữ, niềm vui giao tiếp mà bấy lâu nay đánh mất: “Hôm nay lão thay đổi tính, lảm bảm nói nhiều không biết với mình hay với khỉ con niềm vui sướng? Vì lâu quá lão không được nói. Không ai nói với lão” (Lão Sìn và con khỉ, Phạm Xuân Hiếu, 2009). Với loài người, lão là một ông già lảm cẩm, cô độc, còn đối với loài vật là bạn bầu thân thiết, sẽ chia: “Những người lão gặp không ai để ý đến lão, hỏi lão một câu. Lão thích được nói nhưng không ai nghe thì nói với ai? Đành thui thui một mình... Từ ngày có khỉ con, lão Sìn thay đổi lối sống, thường sai khiến khỉ con bằng những ngôn ngữ chỉ có lão biết”. Chú khỉ con, sau khi được lão Sìn cứu, đã gắn bó thân thiết với lão không rời “nó không đi, cứ bám chặt cổ lão”. Dường như cảm nhận được tình thương lan tỏa, con khỉ quần quýt bên lão, làm vui cho lão, khiến cuộc đời cô quạnh của lão trở nên hoạt náo hơn, sinh khí hơn. Lão thương khỉ như con. Khi phát hiện ra con khỉ con nằm ẹp dưới đáy lồng, kêu en ét, lão đã “vội bẻ lồng tre đưa bàn tay nhẹ nhàng nâng khỉ con ra khỏi lồng, áp vào bụng đi thẳng về nhà”. Rồi lại chăm bẵm như con nít, “mang hộp sữa rí vàng hết vỏ để dành từ lâu ra đút cho khỉ con”. Lão Sìn chia sẻ cái áo ngoài rách bả vai, trải trên giường, đặt khỉ con nằm, thủ thỉ: “Mày phải sống, khỏe tao thả về rừng”. Sự dễ thương rất mực của một ông già với một con khỉ non làm nảy nở tình cảm như là tình cha con, quần quýt và thương mến. Tuy nhiên, tai họa ập xuống khi lão Vòng bắt khỉ con về để biểu diễn xiếc. Từ đó, lão Sìn buồn bã “không ăn, không uống, nằm liệt giường, thoi thóp nhìn lên xà tre trên trần nhà, chỗ khỉ con hàng đêm vẫn nằm ngủ”. Trong một lần biểu diễn, khỉ con đã trốn thoát, tìm cách quay về với người yêu thương thật sự với nó: “Lão giật mình mở mắt. Có bàn tay nhỏ bé đang sờ lên trán lão, đang truyền cho lão sức mạnh diệu kỳ. Lão thấy mình phải sống, phải làm một cái gì đó. Phải sống để che chở cho khỉ con của lão”. Kỳ lạ thay, chính lòng hướng thiện đã đem lại thứ hạnh phúc viên mãn cho trái tim thuần lương.

Nghe tiếng loài vật, con người nhận ra loài vật có sinh mệnh, tâm hồn, tình cảm, cảm giác, ngôn ngữ, do vậy các nhân vật trong truyện thấu cảm với động vật, chia sẻ cảm giác đau

đón với chúng, yêu thương muôn loài bằng lòng nhân ái. Tiếng nói yêu thương sẽ cứu vớt con người. Lắng nghe với lòng từ tâm, tự chiều sâu tâm thức con người sẽ nuôi dưỡng an hòa và thương ái.

5. Kết luận

Trong mối quan hệ với tự nhiên, đạo đức sinh thái của thế kỉ XXI đã có những thay đổi, con người không còn là kẻ chinh phục mà là những người biết cúi xuống những số phận tự nhiên bị thương tổn, biết chia sẻ cảm giác bị đau với động vật, biết lắng nghe tiếng nói từ vạn vật, biết chia sẻ và tôn trọng muôn loài. Do vậy, đạo đức sinh thái trong văn xuôi đương đại Việt Nam đưa ra đề xuất chủ nghĩa nhân văn sinh thái (Ecological Humanism) không chỉ ca ngợi con người như “chúa tể của muôn loài” mà là thái độ sống tôn trọng vạn vật để hướng tới cuộc sống bền vững, yên ổn, hạnh phúc. Kiến lập đạo đức sinh thái phải bắt nguồn từ việc xây dựng chủ nghĩa nhân văn sinh thái, thông qua sự thay đổi tư duy, cách nhìn nhận. Từ bi trong giáo dục Phật giáo thể hiện được khía cạnh năng động nhập thế của mình, với tinh thần bình đẳng đầy giá trị nhân bản, hình thành nên những giá trị đạo đức tích cực. Văn học trong thời đại khủng hoảng sinh thái toàn cầu quay trở lại với những tác phẩm mang sắc thái Phật giáo để tác động đến tâm hồn con người, ngõ hầu khơi gợi và thức tỉnh lương tri của từng cá nhân. Từ “quyền con người” đến “quyền động vật” đánh dấu bước tiến lớn trên lộ trình nhân văn hóa con người. Do đó, văn học, nơi bắt đầu của những phản biện với những lối mòn tư duy cần cất lên tiếng nói của sự phản tỉnh. Có như vậy, văn học Việt Nam mới tiếp cận được với những vấn đề khẩn thiết trong thời đại mà sự khủng hoảng sinh thái trở thành vấn đề nghiêm trọng toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- Berger, J. (2017). *Vi sao phải nhìn những con vật*. Đặng Thị Thái Hà dịch, *Phê bình sinh thái là gì?*. Hoàng Tố Mai chủ biên. Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- Carson, R. L. (2018). *Mùa xuân vắng lặng*. Nhóm Khánh An dịch. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- Thích Minh Châu dịch (1991). *Chuyện Tiền thân Đức Phật*: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Dậu (1990). *Con thú bị ruồng bỏ*. Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- Fontenay, E. (2013). *Khi con vật nhìn ta*. Hoàng Thanh Thủy dịch. Nxb Tri thức, Hà Nội.
- Fukuoka, M. (2017). *Cuộc cách mạng một cọng rơm*. Xanh Shop dịch. Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thích Nhất Hạnh (2013). *Giới thứ nhất: Tôn trọng sự sống*. Truy xuất từ <https://langmai.org/tang-kinh-cac/vien-sach/thien-tap/de-co-mot-tuong-lai/gioi-thu-nhat-ton-trong-su-song/>, ngày 01/02/2020.
- Ngân Hoa, Quế Hương, Đỗ Bích Thuý (2007). *Truyện ngắn ba cây bút nữ*. Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
- Nguyễn Hùng (2016). *Vài suy nghĩ về quyền động vật trong kinh*. Truy xuất từ <https://giacngo.vn/nguyetsan/2016/05/04/76C093>, ngày 01/02/2020.
- Phạm Xuân Hiếu (2009). *Lão Sìn và con khỉ*, Truy xuất từ <http://vnca.cand.com.vn/Truyen/Lao-Sin-va-khi-con-326589/>, ngày 01/03/2020.
- Ma Văn Kháng (2006). *Chó Bi, đời lưu lạc*. Nxb Kim Đồng, Hà Nội.

Ma Văn Kháng (2013). *Bà cụ Cần và đàn chim sẻ*. Truy xuất từ <https://thanhnien.vn/van-hoa-nghe-thuat/van-hoc/ba-cu-can-va-bay-chim-se-truyen-ngan-cua-ma-van-khang-356468.html>, ngày 01/02/2020.

Ma Văn Kháng (2017). *100 truyện ngắn Ma Văn Kháng*, tập 2. Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

Nguyễn Thị Mai Liên (2015). *Tư tưởng tôn giáo - triết học trong văn học Ấn Độ thời kỳ Cổ - Trung đại*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Yuval Noah Harari (2018). *Homo Deus: Lược sử tương lai*, Dương Ngọc Trà dịch. Nxb Thế giới, Hà Nội.

Kolbert, E. (2014). *Đột tụy chứng thứ sáu: Một lịch sử phi tự nhiên*. Trần Trọng Hải Minh dịch. Nxb Tri thức, Hà Nội.

Pháp sư Tịnh Không, Thích Phước Sơn (Việt dịch) (2000). *Truyện cổ sự tích cứu vật phóng sinh*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi chép lời trưởng lão Thích Thông Lạc (2016). *Trau đôi tú vô lượng tâm*. Giáo án tu tập đường lối tu hành Đạo Phật, Thành phố Hồ Chí Minh, Truy xuất từ <https://thuvienthaythonglac.net/thu-muc-goc-tu-sinh/528-trau-doi-tu-vo-luong-tam>, ngày 01/02/2020.

Leopold, A. (1966). *A sand county almanac*. New York: Ballantine Books.

Vạn Thiện Tiên Tư (2015). *Khuyên người bỏ sự giết hại*. Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải. Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

Manes, C. (1996), "Nature and Silence", *The Ecocriticism Reader: Landmarks in Literary Ecology* edited by Cheryl Glotfelty and Harold Fromm. University of Georgia Press.

Sương Nguyệt Minh (2011). *Đêm Thánh vô cùng*. Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

Rigby K. (2014). Chapter 7: "Ecocriticism", *Introducing Criticism at the Twenty-First Century*, Edinburgh UP, Đặng Thị Thái Hà dịch, Phụ lục luận văn *Cái tự nhiên từ điểm nhìn phê bình sinh thái (Qua tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Ngọc Tư)*, Luận văn thạc sĩ. Đại học Sư phạm Hà Nội.

Trần Thị Ánh Nguyệt, Lê Lưu Oanh (2016). *Con người và tự nhiên trong văn xuôi sinh thái Việt Nam đương đại*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Nguyễn Trí (2013). *Đồ tể*. Nxb Văn học, Hà Nội.

Quý Thế (2009). *Tuyển tập truyện ngắn (Tác giả tự chọn)*. Nxb Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Huy Thiệp (1995). *Như những ngọn gió*. Anh Trúc tuyển chọn. Nxb Văn học, Hà Nội.

Nguyễn Huy Thiệp (1995). *Truyện ngắn chọn lọc*. Nxb Văn học, Hà Nội.

Nguyễn Thị Tịnh Thy (2017). *Rừng khô, suối cạn, biển độc và Phê bình sinh thái*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Vernier J. (2002). *Môi trường sinh thái*. Trương Thị Chí, Trần Chí Đạo dịch. Nxb Thế giới, Hà Nội.

Trần Hải Yến (2014). "Nghiên cứu phê bình sinh thái hiện đại và di sản văn hóa: nhìn từ cách Sinh thái học tìm về Tam giáo" (Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo). Hội thảo khoa học *Phát triển văn học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế*. Viện Văn học, Hà Nội.

Wall, D. (1994). *Green history: A reader in environmental literature, philosophy, and politics*. Taylor & Francis US.